

Số: *MH6* /QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày *04* tháng *7* năm 2017

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định mức chi thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Căn cứ Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 119/TTr-SNN-PTNT ngày 30 tháng 5 năm 2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định mức chi thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (*chi tiết theo Quy định đính kèm*).

**Điều 2.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện hỗ trợ trực tiếp đến các hộ sản xuất bị thiệt hại đảm bảo công khai, minh bạch, đúng chính sách, đúng đối tượng và mức quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế một số Quyết định, cụ thể:

- Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh “*về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*”.

- Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc phê duyệt bổ sung chế độ, nguyên tắc chi tiêu tài chính đối với công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm”.

- Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”.

- Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc ban hành Quy định mức chi thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”.

- Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh “về việc sửa đổi, bổ sung một phần Quy định mức chi thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”.

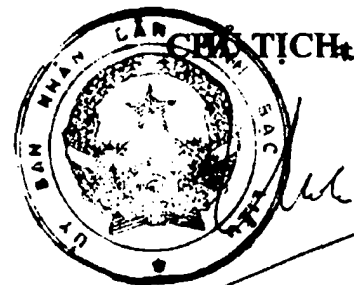
- Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh “ban hành Quy định sửa đổi, bổ sung Quy định mức chi thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Bạc Liêu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *Jh*

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài Chính;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND (để báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MT TQVN tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Công báo - Tin học;
- Báo BL, Đài PT&TH tỉnh (để phổ biến);
- CVP, PCVP UBND tỉnh (Tài);
- Lưu: VT, MT (QĐ 001) *W*



**Dương Thành Trung**

## QUY ĐỊNH

**Về mức chi hỗ trợ thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Quyết định này quy định việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, muối hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do ảnh hưởng của các loại hình thiên tai quy định tại Khoản 1, Điều 3, Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013 và các loại dịch bệnh nguy hiểm, được công bố theo quy định của pháp luật về thú y, thủy sản, lâm nghiệp và các loại dịch bệnh công bố theo quy định pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, cụ thể như sau:

a) Các loại thiên tai gây ảnh hưởng trực tiếp đối với cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản, diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh gồm: Bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

b) Các loại dịch hại, dịch bệnh nguy hiểm đối với cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản, cụ thể:

- Đối với cây trồng (theo Điều 4, Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật) gồm:

+ Sinh vật gây hại thực vật gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của hai (02) năm trước liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh trở lên; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, môi trường và đời sống của nhân dân (rầy nâu).

+ Đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc xâm nhập vào địa bàn tỉnh, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp (bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, lùn sọc đen, bệnh đạo ôn, bệnh cháy bìa lá, bệnh lem lép hạt, bệnh chồi cỏ mía, chồi rồng).

- Đối với vật nuôi (theo Điều 2, Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn) gồm các bệnh truyền nhiễm nguy

hiểm của động vật, gây thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội hoặc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm giữa động vật và người như:

+ Danh mục bệnh động vật trên cạn phải công bố dịch gồm: Bệnh Cúm gia cầm (*thể độc lực cao và chủng vi rút có khả năng truyền lây bệnh cho người*); bệnh Lở mồm long móng; bệnh Tai xanh ở heo (*Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp ở heo*); bệnh Nhiệt thán; bệnh Dịch tả heo; bệnh Xoắn khuẩn; bệnh Đại động vật; bệnh Niu-cát-xon.

+ Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người gồm: Bệnh Cúm gia cầm (*thể độc lực cao và chủng vi rút có khả năng truyền lây bệnh cho người*); bệnh Đại động vật; bệnh Liên cầu khuẩn lợn (*týp 2*); bệnh Nhiệt thán; bệnh Xoắn khuẩn; bệnh Giun xoắn; bệnh Lao bò; bệnh Sảy thai truyền nhiễm.

+ Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh gồm: Bệnh Nhiệt thán; bệnh Đại động vật; bệnh Cúm gia cầm (*thể độc lực cao và chủng vi rút có khả năng truyền lây bệnh cho người*).

- Đối với nuôi trồng thủy sản (*theo Điều 3 Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản*) gồm: Bệnh đốm trắng (*trên tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển*); bệnh hoại tử gan tụy cấp tính ở tôm nuôi (*trên tôm sú, tôm thẻ chân trắng*); bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (*trên tôm sú, tôm thẻ chân trắng*); Bệnh đầu vàng (*trên tôm sú, tôm thẻ chân trắng*); bệnh hoại tử cơ (*trên tôm thẻ chân trắng*); hội chứng Taura (*trên tôm thẻ chân trắng*); bệnh Perkinsus (*trên hào, nghêu, ngao*).

**2. Đối tượng áp dụng:** Hộ nông dân, người nuôi trồng thủy sản, diêm dân, chủ trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và sản xuất muối (*sau đây gọi là hộ sản xuất*) bị thiệt hại trực tiếp do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 của Quy định này.

## **Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ**

### **1. Nguyên tắc hỗ trợ:**

- Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, muối hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu (*không phải đền bù thiệt hại*).

- Thực hiện hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc bằng giống cây, con, hiện vật (*trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ*); giống cây, con, hiện vật hỗ trợ phải đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện sinh thái và thực tế của địa phương.

- Việc hỗ trợ phải công khai, minh bạch, đúng mức và đúng đối tượng.

- Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, hộ sản xuất chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

**2. Điều kiện hỗ trợ:** Các hộ sản xuất bị thiệt hại được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng tất cả các điều kiện như sau:

a) Sản xuất không trái với quy hoạch, kế hoạch và hướng dẫn sản xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố.

b) Có đăng ký kê khai ban đầu được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận đối với chăn nuôi tập trung (*trang trại, gia trại, tổ hợp tác, hợp tác xã*) và nuôi trồng thủy sản (*theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy định này*) hoặc giấy chứng nhận kiểm dịch (*nếu có*); các hộ chăn nuôi tập trung kê khai trong thời gian 15 ngày kể từ khi bắt đầu chăn nuôi; trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được bản kê khai, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận vào kê khai; các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện kê khai và được xác nhận ngay khi thực hiện nuôi trồng.

c) Thiệt hại xảy ra khi đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, dịch bệnh theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố.

d) Thời điểm xảy ra thiệt hại:

- Đối với thiên tai: Trong thời gian xảy ra thiên tai trên địa bàn được Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bạc Liêu công bố thiên tai hoặc xác nhận có thiên tai xảy ra trên địa bàn.

- Đối với dịch bệnh: Trong khoảng thời gian từ khi công bố dịch đến khi công bố hết dịch. Trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên (*chưa đủ điều kiện công bố dịch*) cần phải tiêu hủy gia súc, gia cầm theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan thì thời điểm xảy ra thiệt hại là khoảng thời gian từ khi phát sinh ổ dịch đến khi kết thúc ổ dịch.

### **Điều 3. Nguồn lực và cơ chế hỗ trợ**

- Nguồn lực: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 70% và ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%; trường hợp hỗ trợ thiệt hại trên địa bàn tỉnh dưới 01 tỷ đồng/năm do ngân sách tỉnh hỗ trợ; trường hợp có mức độ thiệt hại lớn, mức hỗ trợ vượt quá 50% nguồn dự phòng ngân sách tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao, Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ tướng Chính phủ cấp bổ sung phần chênh lệch vượt quá 50% nguồn dự phòng ngân sách tỉnh.

- Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho hộ sản xuất bị thiệt hại trong sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng chính sách, đúng đối tượng và đúng mức được quy định.

### **Điều 4. Mức hỗ trợ và phương pháp xác định mức thiệt hại**

#### **1. Mức hỗ trợ:**

**a) Đối với cây trồng:**

- Diện tích lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha.

- Diện tích mạ lúa thuần bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

- Diện tích lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha.

- Diện tích mạ lúa lai bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

- Diện tích ngô và rau màu các loại thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha.

- Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

**b) Đối với sản xuất lâm nghiệp:**

- Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 2.000.000 đồng/ha.

- Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

**c) Đối với nuôi thủy, hải sản:**

- Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm - lúa, tôm sinh thái, tôm - rừng, tôm kết hợp) bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 5.050.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

- Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.550.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

- Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 7.050.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

- Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 25.250.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

- Diện tích nuôi nhuyễn thể bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

- Lồng, bè nuôi nước ngọt bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.550.000 đồng/100 m<sup>3</sup> lồng; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 5.000.000 đồng /100 m<sup>3</sup> lồng.

- Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 25.250.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

- Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 5.050.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

**d) Đối với nuôi gia súc, gia cầm:**

- Thiệt hại do thiên tai:

+ Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 15.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 28.000 đồng/con.

+ Heo đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 350.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 725.000 đồng/con; heo nái và heo đực đang khai thác, hỗ trợ 2.000.000 đồng/con.

+ Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 1.500.000 đồng/con; bò sữa trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 6.550.000 đồng/con.

+ Trâu, bò thịt đến 6 tháng tuổi, hỗ trợ 1.250.000 đồng/con; trên 6 tháng tuổi, hỗ trợ 4.050.000 đồng/con.

+ Dê: Hỗ trợ 1.750.000 đồng/con.

- Thiệt hại do dịch bệnh: Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ sản xuất có gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy với mức hỗ trợ, cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ 38.000 đồng/kg hơi đối với heo.

+ Hỗ trợ 45.000 đồng/kg hơi đối với trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai.

+ Hỗ trợ gia cầm tối đa 35.000 đồng/con (có trọng lượng < 300 g: hỗ trợ 15.000 đồng/con, có trọng lượng từ 300g - 01 kg: hỗ trợ 25.000 đồng/con, có trọng lượng trên 01kg: hỗ trợ 35.000 đồng/con).

**đ) Đối với sản xuất muối:**

Diện tích sản xuất muối bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 1.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% - 70%, hỗ trợ 1.000.000 đồng/ha.

**e) Các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản:** Chưa được quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Quy định này, khi hộ sản xuất bị thiệt hại, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của hộ dân và mất khả năng khôi phục lại sản xuất thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông, Sở Tài chính phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh mức hỗ trợ phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

**2. Phương pháp xác định mức thiệt hại:**

**a) Đối với cây trồng, sản xuất lâm nghiệp:**

Phương pháp xác định mức thiệt hại gồm 2 bước:

- Bước 1: Tính tỷ lệ thiệt hại của (hạt, hom, dảnh, cây, ...) bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, áp dụng công thức tính:

$$\text{Ti lệ hạt, hom, danh, cây thiệt hại (\%)} = \frac{\text{Số hạt, hom, danh, cây bị thiệt hại, dịch bệnh}}{\text{Tổng số hạt, hom, danh, cây điều tra}} \times 100$$

+ Khung điều tra đối với: Lúa, rau, màu, bắp mỗi thửa ruộng, vườn điều tra 05 điểm chéo góc, nếu gieo hạt, mỗi điểm có kích thước theo khung (0,2 m x 0,2 m), nếu gieo theo hốc hoặc cây, mỗi điểm có kích thước theo khung (0,5 m x 0,5 m).

+ Khung điều tra đối với cây ăn công nghiệp và cây ăn trái, cây lâm nghiệp mỗi thửa ruộng, vườn điều tra 05 điểm chéo góc, nếu gieo hạt, mỗi điểm có kích thước theo khung (0,5 m x 0,5 m) hoặc (1,0 m x 1,0 m), nếu gieo theo hốc hoặc cây, mỗi điểm có kích thước là (20 m x 20 m) hoặc (30 m x 30 m).

**Ghi chú:** Quan sát nếu trong một thửa ruộng, vườn có nhiều tỷ lệ thiệt hại đan xen không đồng nhất thì phân nhỏ diện tích để điều tra, hoặc nếu thửa ruộng, vườn có diện tích quá lớn khó quan sát thì cũng chia nhỏ diện tích để điều tra, sau đó cộng lại cho chính xác.

- Bước 2: Xác định diện tích hỗ trợ:

+ Diện tích hỗ trợ tỷ lệ thiệt từ 30 - 70% = Tổng số diện tích điều tra - (diện tích có tỷ lệ thiệt hại trên 70% + diện tích có tỷ lệ thiệt hại dưới 30%).

+ Diện tích hỗ trợ tỷ lệ thiệt hại trên 70% = Tổng số diện tích điều tra - (diện tích có tỷ lệ thiệt hại từ 30 - 70% + diện tích có tỷ lệ thiệt hại dưới 30%).

#### **b) Đối nuôi trồng thủy sản:**

- Thiệt hại do dịch bệnh nguy hiểm được công bố theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Đối với mô hình nuôi tôm sú thâm canh, bán thâm canh thời gian xảy ra dịch bệnh bị thiệt hại khi cỡ tôm trung bình dưới 10g/con (dưới 100 con/kg) trở xuống thì mức thiệt hại được tính trên 70%; nếu tôm sú cỡ tôm trung bình từ 10,1g/con - 16,9 g/con thì mức thiệt hại được tính từ 30% - 70%; nếu tôm sú cỡ tôm trung bình 17g/con trở lên không được xét hỗ trợ.

+ Đối với mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh thời gian xảy ra dịch bệnh bị thiệt hại khi cỡ tôm trung bình dưới 5g/con (dưới 200 con/kg) trở xuống thì mức thiệt hại được tính trên 70%; nếu cỡ tôm thẻ trung bình từ 5,1 g/con - 10,9 g/con thì mức thiệt hại được tính từ 30% - 70%; nếu tôm thẻ cỡ tôm trung bình 11g/con (từ 100 con/kg) trở lên không được xét hỗ trợ.

+ Đối với mô hình nuôi tôm quảng canh:

++ Với hình thức thu tia, thả bù (tôm sinh thái, tôm - rừng, tôm kết hợp) khi xảy ra dịch bệnh bị thiệt hại thì mức thiệt hại được tính từ 30 - 70%.



++ Với hình thức kết hợp tôm sú - lúa thì cách xác định mức thiệt hại giống với mô hình nuôi tôm sú thâm canh, bán thâm canh.

+ Đối với diện tích nuôi nhuyễn thể (*ngheù, sò, hào*) và lồng nuôi nhuyễn thể thì mức độ thiệt hại được xác định trên cơ sở của sản lượng thực thu so với sản lượng bình quân của 03 năm liền kề; nếu sản lượng còn lại dưới 30% thì mức thiệt hại trên 70 %; nếu giá trị còn lại trên 30% nhưng dưới 70% thì mức thiệt hại từ 30% - 70%.

- Thiệt hại do thiên tai:

+ Mô hình tôm sú, thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh, mô hình nuôi tôm quảng canh:

++ Tôm sú (*cỡ tôm 16,9g/con trở xuống*), tôm thẻ chân trắng (*cỡ tôm 10,9 g/con trở xuống*) thâm canh, bán thâm canh, mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến (*thu tia, thả bù; tôm sú - lúa kết hợp*) thì cách xác định mức thiệt hại giống như cách xác định đối với dịch bệnh.

++ Tôm sú (*cỡ tôm 17g/con trở lên*), tôm thẻ chân trắng (*cỡ tôm 11 g/con trở lên*) thâm canh, bán thâm canh, mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến kết hợp tôm sú - lúa thì cách xác định mức thiệt hại:

$$\text{Mức độ thiệt hại (\%)} = 1 - \frac{\text{Mật độ tôm còn lại trong ao (m}^2\text{)}}{\text{Mật độ tôm thực tế trước khi thiệt hại (m}^2\text{)}} \times 100$$

+++ Mật độ tôm thả nuôi phải nhỏ hoặc bằng mật độ khuyến cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với từng loại mô hình nuôi được ban hành trong lịch thời vụ nuôi trồng thủy sản hàng năm.

+++ Mật độ tôm thực tế trong ao nuôi trước khi bị thiệt hại do nông hộ khai báo với tỷ lệ sống từ bằng đến nhỏ hơn 80%.

+++ Mật độ còn lại trong ao được xác định bằng cách tiến hành thu mẫu 05 điểm trong ao nuôi (*gần 04 góc và giữa ao nuôi, mỗi mẫu 01 m<sup>2</sup>*).

+ Đối với diện tích nuôi nhuyễn thể (*ngheù, sò, hào*) và lồng nuôi nhuyễn thể thì mức độ thiệt hại được xác định tương tự như thiệt hại do dịch bệnh.

### **c) Đối với sản xuất muối:**

- Đối với mô hình sản xuất muối truyền thống (*nền sân kết tinh bằng đất*), khi bị thiệt hại (*do mưa trái mùa, nước biển dâng cao*) phải mất một chu kỳ sản xuất muối (*bình quân 01 chu kỳ là 20 ngày*) mới cho thu hoạch sản phẩm thì mức thiệt hại được tính trên 70% (*chỉ hỗ trợ 01 lần/vụ*).

- Đối với mô hình sản xuất muối trắng có trải bạt nhựa (*HDPE*) trên nền sân kết tinh khi bị thiệt hại (*do mưa trái mùa, nước biển dâng cao*) phải mất một chu kỳ sản xuất muối (*bình quân 01 chu kỳ là 10 ngày*) mới cho thu hoạch sản phẩm thì mức thiệt hại được tính từ 30% - 70% (*chỉ hỗ trợ 01 lần/vụ*).

## **Điều 5. Trình tự, thủ tục hỗ trợ**

### **1. Trình tự và cách thức thực hiện:**

a) Hỗ trợ thiệt hại đối với dịch bệnh: Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để giải quyết theo quy định.

b) Hỗ trợ thiệt hại đối với thiên tai: Khi bị thiệt hại, các hộ sản xuất phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn, tiến hành thống kê, đánh giá thiệt hại, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp lên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã, phường, thị trấn để phối hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giải quyết theo quy định.

### **2. Hồ sơ xin hỗ trợ:**

a) Đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai theo các Mẫu số 2, 3, 4, 5 và 6 ban hành kèm theo Quy định này; kèm theo Bản kê khai sản xuất ban đầu theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Quy định này hoặc Giấy chứng nhận kiểm dịch (nếu có).

b) Bảng thống kê thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai có xác nhận của khóm, ấp, khu dân cư.

### **3. Trách nhiệm của các cấp:**

a) Đối với dịch bệnh:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng kiểm tra bao gồm: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, cán bộ chuyên môn của huyện, thị xã, thành phố đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, đại diện khóm, ấp, tổ dân phố để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng hộ sản xuất; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố; căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ.

b) Đối với thiên tai: Thực hiện như quy định tại Điểm a, Khoản 3 Điều này, có sự tham gia, phối hợp của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp ở địa phương trong việc kiểm tra, xác nhận thiệt hại và tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 30 và Khoản 2, Điều 31, Luật Phòng, chống thiên tai.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổng hợp thiệt hại đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo các Mẫu số 7, 8, 9, 10, 11 và 12 ban hành kèm theo Quy định này.

**4. Thời hạn giải quyết hồ sơ:** Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân các cấp (*đối với dịch bệnh*) hoặc Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp (*đối với thiên tai*) phải có ý kiến trả lời bằng văn bản hoặc thông báo kết quả giải quyết cho các hộ sản xuất trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

## **Điều 6. Điều khoản thi hành**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- Chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên địa bàn tỉnh và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các hộ sản xuất tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sản xuất và khung lịch thời vụ của ngành khuyến cáo; hướng dẫn nông dân thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về phòng chống thiên tai, dịch bệnh để được hỗ trợ khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

- Kiểm tra, thẩm định kết quả thống kê, tổng hợp mức độ thiệt hại và dự toán kinh phí hỗ trợ của các huyện, thị xã, thành phố gửi Sở Tài chính xem xét, đề xuất theo đúng quy định hiện hành, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Theo dõi, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện việc hỗ trợ trực tiếp đến các hộ sản xuất bị thiệt hại đảm bảo công khai, minh bạch, đúng chính sách, đúng đối tượng và định mức quy định của pháp luật; không để xảy ra tình trạng trục lợi và sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả.

- Kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh hoặc cuối năm phối hợp với Sở Tài chính tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai (*đối với thiệt hại do thiên tai*) theo quy định của pháp luật.

- Xử lý những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này; tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định mức chi hỗ trợ khi cần thiết, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

### **2. Sở Tài chính:**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm tra, thẩm định mức độ thiệt hại và dự toán kinh phí hỗ trợ được tổng hợp từ các huyện, thị xã, thành phố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tinh phê duyệt và bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất nhu cầu kinh phí hỗ trợ của Trung ương gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai (*đối với thiệt hại do thiên tai*) theo quy định của pháp luật; tổng hợp quyết toán chính sách hỗ trợ thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, Ngành Trung ương theo quy định.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính bố trí, cân đối ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác thực hiện Quy định này; phối hợp đôn đốc, kiểm tra, giám sát và xử lý những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

### **4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố**

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thuộc huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các hộ sản xuất tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sản xuất và khung lịch thời vụ của ngành nông nghiệp khuyến cáo; hướng dẫn nông dân thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về phòng chống thiên tai, dịch bệnh để được hỗ trợ khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

- Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thành lập hội đồng kiểm tra đúng thành phần theo quy định, công tác kiểm tra, xác minh thông kê phải đúng trình tự, thủ tục, tổng hợp phải chính xác, khách quan, công tâm, minh bạch; hỗ trợ cho hộ sản xuất bị thiệt hại kịp thời, đúng quy định hiện hành.

- Trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ trên địa bàn.

### **5. Đối với các Tổ chức chính trị - xã hội:**

Đề nghị các (Tổ chức chính trị - xã hội) Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Tỉnh Đoàn, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các hội nghề nghiệp phối hợp thực hiện và giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho các hộ sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh; bằng nhiều hình thức và phương pháp thích hợp, tổ chức tuyên truyền sâu rộng và thường xuyên nội dung của Quy định này đến toàn thể đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

### **6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:**

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các hộ sản xuất trên địa bàn quản lý tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sản xuất và khung lịch thời vụ sản xuất của ngành nông nghiệp khuyến cáo; hướng dẫn nông dân thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về phòng chống thiên tai, dịch bệnh để được hỗ trợ khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn quản lý.

- Thành lập Hội đồng kiểm tra bao gồm: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, cán bộ chuyên môn của huyện, thị xã, thành phố, đại diện các tổ chức xã hội, đại diện khóm, ấp, tổ dân phố để lập biên bản kiểm tra, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng hộ sản xuất; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

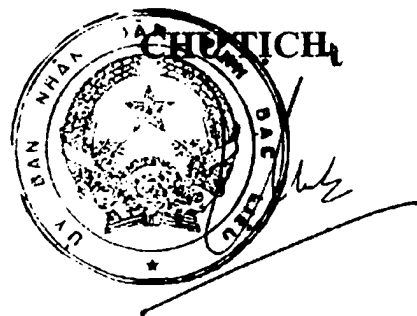
- Triển khai thực hiện hỗ trợ trực tiếp đến các hộ sản xuất bị thiệt hại đảm bảo công khai, minh bạch, đúng chính sách, đúng đối tượng và mức quy định.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ trên địa bàn.

**7. Đối với các hộ sản xuất:** Tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sản xuất và khung lịch thời vụ của ngành nông nghiệp khuyến cáo; tuân thủ đầy đủ các quy định về phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và đáp ứng đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan chức năng để được nhận hỗ trợ khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

#### **Điều 7. Xử lý khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh, bổ sung quy chế**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, các Sở, Ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Thường trực Ban Chỉ đạo sản xuất và thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) và Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.



**Dương Thành Trung**